Tổng CTCP Bưu chính Viettel (HSX: VTP)

FireAnt

Ngày 30/06/2025	118,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.6%	-14.0%	-14.8%

ROE — Q2/25: 24.7% | +/- YoY: ▲ 2.2%

DT thuần — *Q2/25*: 4,981 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▼ 61.0 / ▼ 1.2% | YoY: ▲ 36.0 / ▲ 0.7%

DT thuần — *6T 2025*: 10,023 *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 404 / ▲ 4.2%

LN gộp — *Q2/25*: 277 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 12.0 / ▲ 4.5% | YoY: ▲ 52.0 / ▲ 23.1%

LN gộp — *6T 2025*: 542 *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 151 / ▲ 38.4%

LN thuần — *Q2/25*: 125 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 35.7 / ▲ 39.8% | YoY: ▲ 14.0 / ▲ 12.5%

LN thuần — *6T 2025*: 214 *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 31.0 / ▲ 17.0%

LN sau thuế — *Q2/25*: 97.0 *tỷ VNĐ* | QoQ: ▲ 27.7 / ▲ 39.9% | YoY: ▲ 9.90 / ▲ 11.3%

LN sau thuế — *6T 2025*: 166 *tỷ VNĐ* | YoY: ▲ 20.0 / ▲ 14.3%

Kết quả kinh doanh

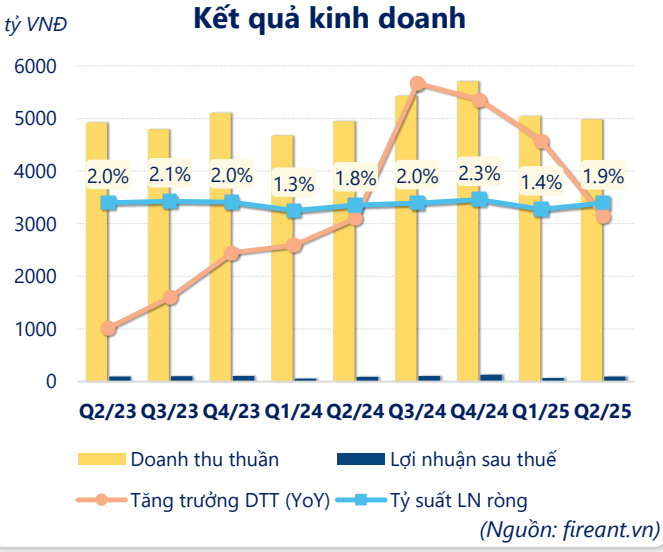

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

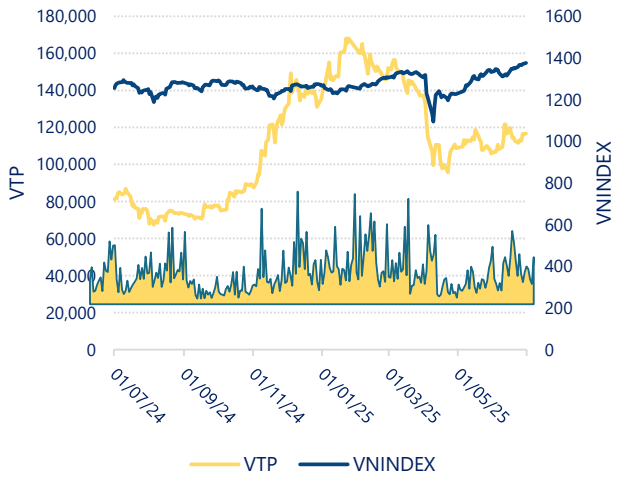

Tổng CTCP Bưu chính Viettel (HSX: VTP)

FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận

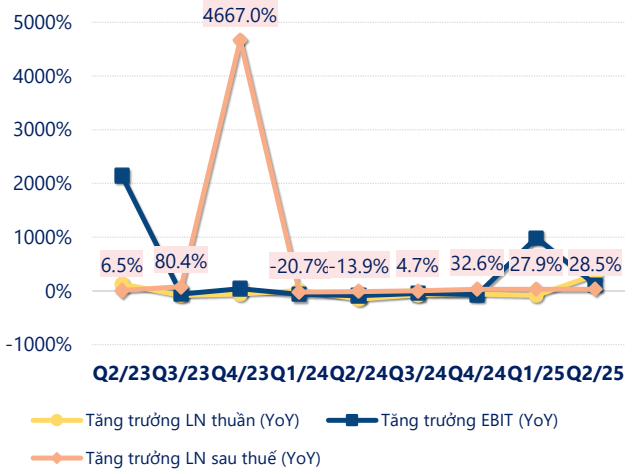

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

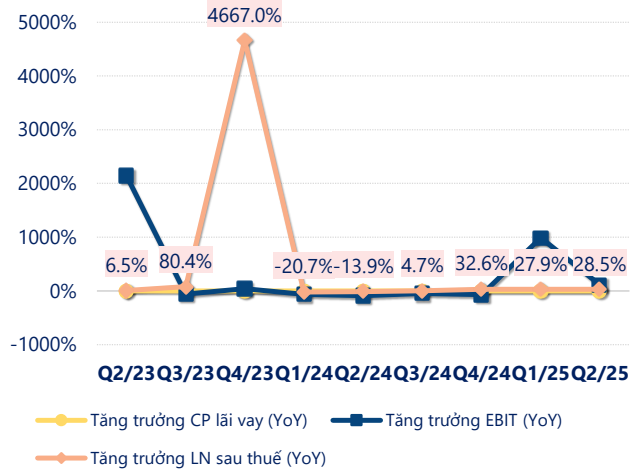

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

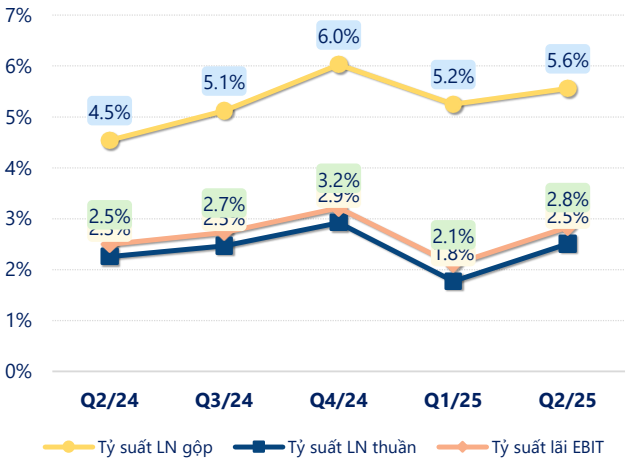

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

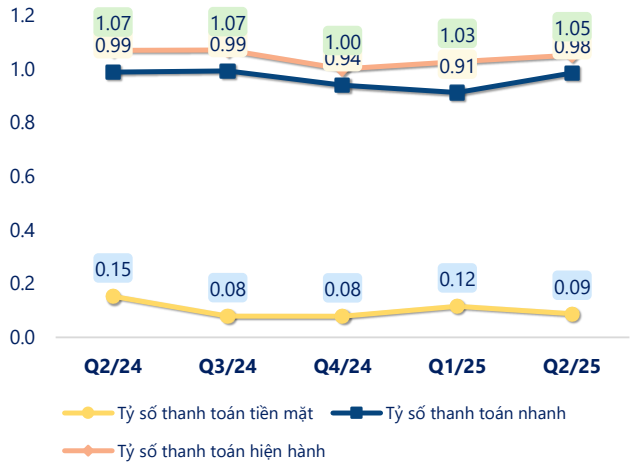

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

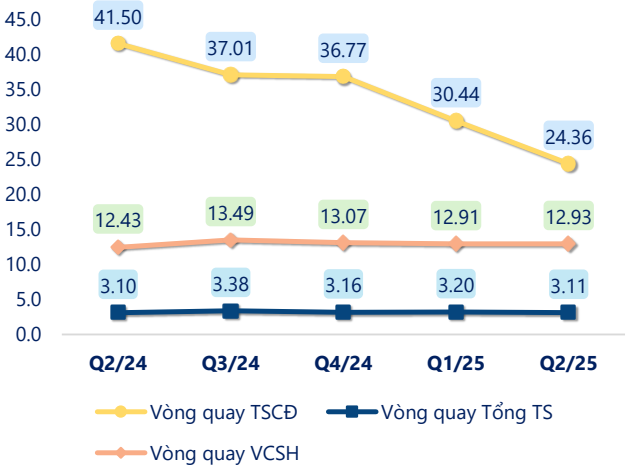

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

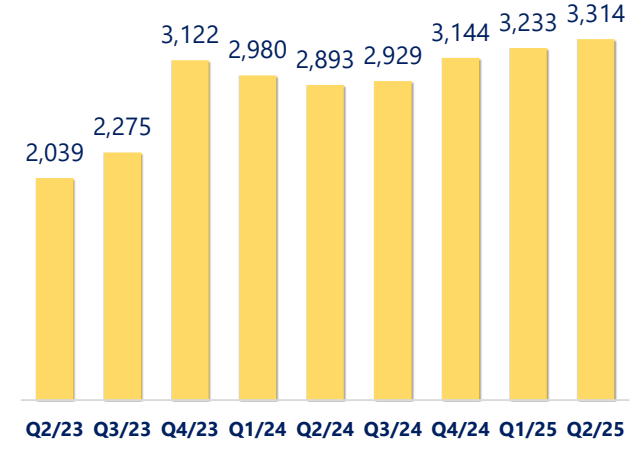

(Nguồn: fireant.vn)

Tổng CTCP Bưu chính Viettel (HSX: VTP)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4,981**	**4,945**	**0.7%**	**10,023**	**9,619**	**4.2%**
Giá vốn hàng bán	4,704	4,720	-0.3%	9,481	9,227	2.8%
Lợi nhuận gộp	277	225	23.1%	542	391	38.4%
Doanh thu HĐTC	22.7	21.7	4.5%	41.0	51.3	-20.2%
Chi phí TC	16.5	13.9	18.5%	34.9	27.2	28.2%
Chi phí lãi vay	15.3	13.8	10.9%	32.6	27.1	20.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	22.0	21.0	4.7%	48.9	40.6	20.5%
Chi phí QLDN	**136**	**100**	**36.3%**	**285**	**192**	**48.3%**
LN thuần từ HĐKD	125	111	12.5%	214	183	17.0%
Lợi nhuận khác	**0.94**	**-1.87**	**150%**	**0.34**	**0.05**	**602%**
LN trước thuế	126	109	15.4%	214	183	17.2%
Lợi nhuận sau thuế	**97.0**	**87.1**	**11.3%**	**166**	**146**	**14.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**97.0**	**87.1**	**11.3%**	**166**	**146**	**14.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

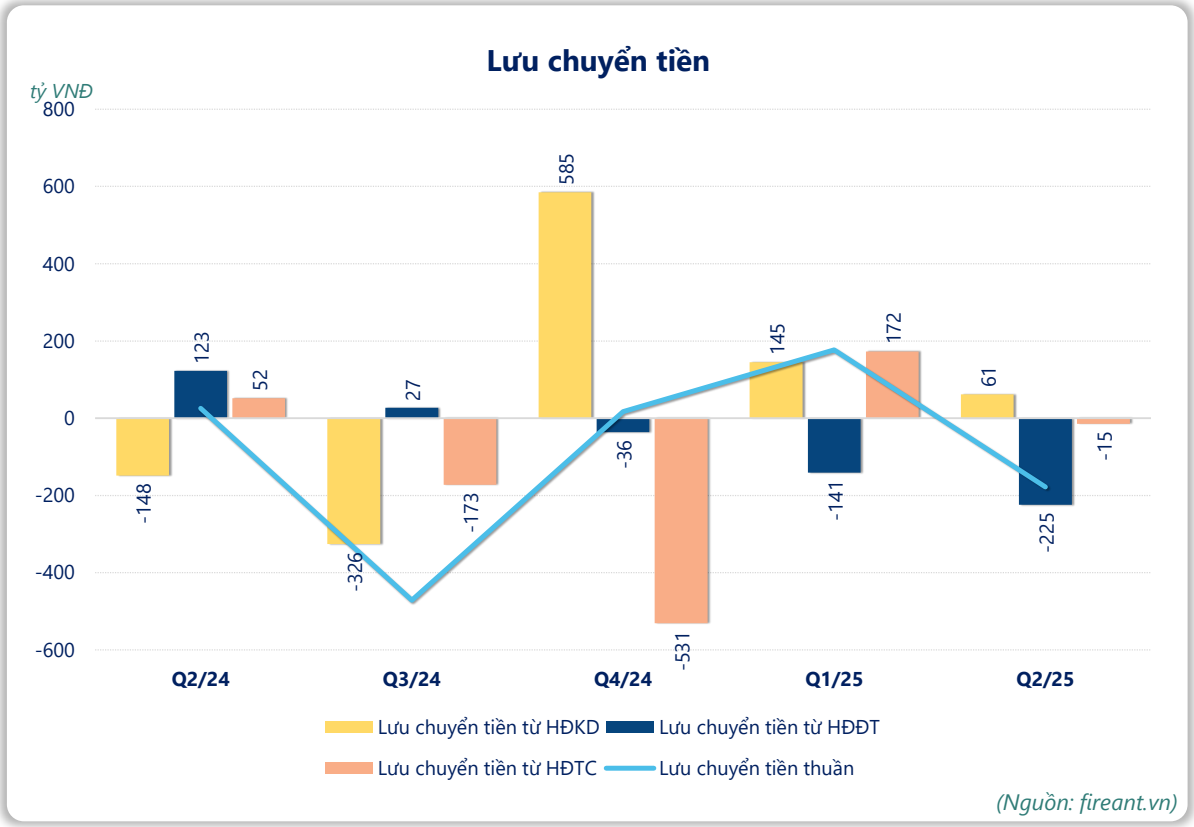

(Nguồn: fireant.vn)